

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai Dự toán thu chi ngân sách năm 2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC KHAI MINH

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC về hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 5798/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Quận 1 về việc giao dự toán thu chi ngân sách năm 2021 cho Trường Tiểu học Khai Minh;

Căn cứ Quyết định số 700/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Quận 1 về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Tiểu học Khai Minh;

Căn cứ vào tình hình thực tế tại đơn vị.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự đoán Ngân sách thu chi ngân sách năm 2021 của Trường Tiểu học Khai Minh (theo biểu mẫu đính kèm).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực từ ngày kí.

Điều 3. Cán bộ, giáo viên, nhân viên và người lao động của Trường Tiểu học Khai Minh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Trang thông tin điện tử trường;
- Lưu: VT, KT.



Nguyễn Ngọc Hạnh

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 11/QĐ-KM ngày 10/01/2021 của trường Tiểu học Khai Minh)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Dvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	4,993.00
I	Số thu phí, lệ phí	0
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	4,993.00
	Tiền tổ chức dạy học hai buổi/ngày	833.40
	Tiền tổ chức các lớp tăng cường tiếng anh	294.30
	Tiền lớp Anh văn tự chọn	
	Tiền lớp Hoa văn	
	Anh văn giao tiếp	
	AV Ismart trích lại	
	AV I learn trích lại	
	Tiền tổ chức lớp tự chọn -Tin học	500.04
	Tiền phục vụ bán trú	2,124.90
	Tiền vệ sinh bán trú	354.15
	Tiền thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	157.40
	Tiền tổ chức lớp năng khiếu - Học võ, bóng rổ, nhíp điệu...	728.81
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	11,110.00
I	Nguồn ngân sách trong nước	11,110.00
I	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	11,110.00
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	11,110.00
	Chi tiền lương	
	+ Lương, ngạch bậc	3,012.42
	+ Lương HD theo chế độ	32.35
	+ Tiền công lao động thường xuyên theo HD	125.51
	Phụ cấp lương (chi tiết từng loại phụ cấp)	
	+ Phụ cấp chức vụ	54.71
	+ Phụ cấp làm thêm giờ	72.00
	+ Phụ cấp ưu đãi nghề	1,054.35
	+ Phụ cấp theo nghề, theo công việc	8.05
	+ Phụ cấp thâm niên vượt khung + thâm niên nhà giáo	751.63
	Các khoản đóng góp	
	+ Bảo hiểm xã hội	697.24
	+ Bảo hiểm y tế	119.53
	+ KPCĐ	79.69
	+ Bảo hiểm thất nghiệp	39.84
	Miễn giảm, hỗ trợ đối tượng chính sách CP học tập	5.00
	Thanh toán tiền điện	100.00
	Thanh toán tiền nước	50.00
	Thanh toán tiền vệ sinh môi trường	16.00
	Vật tư văn phòng	30.00
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	50.00
	Công tác phí	24.00

	Chi phí thuê mướn	10.00
	Sửa chữa thường xuyên TSCĐ	50.00
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	58.59
	Chi khác	179.10
	10% tiết kiệm chi thường xuyên thực hiện cải cách tiền lương	35.00
	Chi thu nhập tăng thêm (NQ 03)	3,959.00
	Chi cải cách tiền lương	496.00
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0
II	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0

Người lập



Phạm Thị Thanh Lan

